

Về tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh L có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 09/5/2023 đến khi xét xử, trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Về án phí: Anh L, chị T chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Ngọc L vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

[3] *Về nội dung*: Chị T yêu cầu anh L có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc 10.000.000 đồng và lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 09/5/2023 đến khi xét xử. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Vào ngày 09/02/2023, chị T cho anh L mượn số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 09/5/2023 sẽ trả. Đến ngày 09/5/2023, anh L trả được số tiền 10.000.000 đồng, còn nợ 10.000.000 đồng, anh L hứa tháng sau sẽ trả nhưng đến nay không thực hiện. Để chứng minh cho yêu cầu của mình chị T đã cung cấp giấy mượn tiền đề ngày 09/02/2023 thể hiện chị T có cho anh L mượn số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận đến ngày 09/5/2023 sẽ trả nhưng đến hạn anh L chỉ trả được số tiền 10.000.000 đồng, còn nợ 10.000.000 đồng. Anh L vắng mặt không lý do và không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc anh L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền khi đến hạn. Do đó, chị T yêu cầu anh L có nghĩa vụ trả tiền 10.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất: Chị T yêu cầu anh L1 trả lãi của số tiền 10.000.000 đồng từ ngày 09/5/2023 đến khi xét xử với mức lãi suất 1,66%/tháng. Xét thấy, giấy mượn tiền đề ngày 09/02/2023 không thể hiện lãi suất. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự chấp nhận một phần yêu cầu về lãi suất, buộc anh L có nghĩa vụ trả cho chị T mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 09/5/2023 đến khi xét xử. Như vậy, anh L có nghĩa vụ trả lãi số tiền là: $0,83\%/tháng \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 37 \text{ tháng} = 3.071.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, anh L có nghĩa vụ trả cho chị T tổng cộng là 13.071.000 đồng.

Về thời gian trả nợ: Chị T yêu cầu anh L có nghĩa vụ trả số tiền 10.000.000 đồng và tiền lãi, trả ngay khi án có hiệu lực. Do anh L đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị T nên yêu cầu trả tiền của chị T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Anh L có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Chị T yêu cầu anh L trả lãi suất 1,66% tính từ ngày 09/5/2023 đến khi xét xử tương ứng với số tiền 6.142.000 đồng, tuy nhiên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận tiền lãi là 3.071.000 đồng, nên chị T phải có nghĩa vụ nộp án phí tương ứng với tiền không được chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: các điều 35, 39, 91, 92, 147, 235, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim T.

Buộc anh Nguyễn Ngọc L có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Kim T số tiền 13.071.000 đồng (Mười ba triệu không trăm bảy mươi một nghìn đồng), ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

+ Anh L có nghĩa vụ nộp 653.550 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Chị T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 370.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0010310 ngày 11/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp nên hoàn lại cho chị T số tiền chênh lệch là 70.500 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

“Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Kiều Oanh

